

Bức tranh toàn cảnh của đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới năm 2001

TS. NGUYỄN NGỌC ĐỊNH

Sau nhiều năm gia tăng trong thập niên 90 và phát triển mạnh mẽ trong hai năm 1999 và 2000, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên thế giới đã giảm đi đột ngột trong năm 2001 - dòng vốn vào giảm 51% dòng vốn ra giảm 55%. Sự sụt giảm này là hệ quả của hai nhân tố: suy thoái kinh tế mà chủ yếu là suy thoái trong nền công nghiệp và sự sụt giảm đột ngột của thị trường chứng khoán. Mặt khác, sự hợp nhất và sáp nhập của các công ty đa quốc gia (MNC) cũng góp phần tác động đến sự biến động của dòng vốn FDI toàn cầu. FDI của các nước phát triển giảm 59%, các nước đang phát triển giảm ít hơn (14%), các nước Trung và Đông Âu không chịu ảnh hưởng của đợt sụt giảm này (tăng 2%).

Sự giảm FDI còn tiếp tục ở các nước trong năm 2002. Tuy nhiên, sau một thời gian dài, nền sản xuất quốc tế - nền sản xuất được quản lý bởi các công ty đa quốc gia dường như gia tăng trở lại. Nguồn lực kinh tế và công nghệ đã thúc đẩy nền sản xuất quốc tế gia tăng. Mặt khác, các chính sách thương mại của các quốc gia đang tập trung hướng đến thu hút FDI như là một công cụ cạnh tranh làm gia tăng đầu tư.

Dòng vốn FDI vào năm 2001 là 735 tỷ USD (giảm 51%) và dòng vốn ra là 621 tỷ USD (giảm 55%). Đây là lần sụt giảm đầu tiên của dòng vốn vào từ năm 1991 và của dòng vốn ra từ năm 1992, cũng là lần sụt giảm lớn nhất từ ba thập kỷ qua. (Xem Bảng 2)

Các số liệu Bảng 2 cho thấy: dòng vốn FDI vào các nước phát triển giảm khoảng một nửa, từ trên 1.200 tỷ ở năm 2000 xuống còn 503 tỷ ở năm 2001. Dòng FDI vào các nước đang phát triển cũng giảm nhưng ở mức độ thấp hơn từ 238 tỷ ở năm 2000 xuống còn 205 tỷ ở năm 2001. Dòng FDI ra cũng rơi vào tình huống tương tự.

Số liệu thu thập từ các nước phát triển như Đức, Pháp, Mỹ, Nhật Bản cũng không cho thấy một dấu hiệu tươi sáng nào cho tương lai. Ngoại trừ Trung

Bảng 1: Tổng hợp FDI và nền sản xuất quốc tế

Chỉ tiêu	Dòng vốn FDI (tỷ USD)			Tỷ lệ tăng trưởng (%)					
	1982	1990	2001	86-90	91-95	96-00	1999	2000	2001
Dòng FDI vào	59	203	735	23,6	20	40,1	56,3	37,1	-50,7
Dòng FDI ra	28	233	621	24,3	15,8	36,7	52,3	32,4	-55
Doanh thu từ các chi nhánh nước ngoài	2.541	5.479	18.517	16,9	10,5	14,5	34,1	15,1	9,2
Tổng sản phẩm của các chi nhánh nước ngoài	594	1.423	3.495	18,8	6,7	12,9	15,2	32,9	8,3
Tổng tài sản của các chi nhánh ở nước ngoài	1.959	5.759	24.952	19,8	13,4	19	21,4	24,7	9,9
Giá trị xuất khẩu của các chi nhánh nước ngoài	670	1.169	2.600	14,9	7,4	9,7	1,9	11,7	0,3
Việc làm của các chi nhánh nước ngoài (1.000 người)	17.987	23.858	53.581	6,8	5,1	11,7	20,6	10,2	7,1
GDP hiện hành	10.805	21.672	31.900	11,5	6,5	1,2	3,5	2,5	2
Tổng xuất khẩu hàng hóa dịch vụ	2.081	4.375	7.430	15,8	8,7	4,2	3,4	11,7	-5,4

Bảng 2: Dòng vốn FDI của thế giới 1990-2001

(triệu USD)

Chỉ tiêu và khu vực	1990-1995 (Trung bình)	1996	1997	1998	1999	2000	2001
DÒNG VỐN FDI VÀO							
Toàn thế giới	225.321	386.140	478.082	694.457	1.088.263	1.491.934	735.146
Các nước đã phát triển	145.019	219.908	267.947	484.239	837.761	1.227.476	503.144
Tây Âu	87.383	115.863	137.890	274.739	507.222	832.067	336.210
Liên minh châu Âu	84.165	110.376	127.919	262.216	487.898	808.519	322.954
Bắc Mỹ	47.058	94.089	114.925	197.243	307.811	367.529	151.900
Các nước đang phát triển	74.288	152.685	191.022	187.611	225.140	237.894	204.801
Châu Phi	4.320	5.835	10.744	9.021	12.821	8.694	17.165
DÒNG VỐN FDI RA							
Toàn thế giới	253.302	394.996	474.010	684.039	1.042.051	1.379.493	620.713
Các nước đã phát triển	221.005	332.395	394.999	631.291	965.977	1.271.273	580.624
Tây Âu	127.149	204.850	242.971	436.413	754.443	1.018.392	380.434
Liên minh châu Âu	117.308	183.708	220.946	415.365	715.741	968.019	365.182
Bắc Mỹ	65.003	97.522	118.838	165.362	190.179	212.468	149.449
Các nước đang phát triển	32.021	61.309	74.797	50.256	73.636	104.207	36.571
Châu Phi	1.979	1.463	3.826	2.054	2.707	1.481	2.544

Quốc dòng vốn FDI gia tăng trong năm 2002 thì các nước như Argentina, Brazil, Indonesia, ... vẫn còn đạt dưới mức những năm 1990.

Sự sụt giảm FDI trong năm 2001 phản ánh nền kinh tế thế giới đang đi xuống. Nhiều quốc gia, trong đó bao gồm cả ba nền kinh tế lớn nhất thế giới đều suy thoái. Sự kiện ngày 11 tháng 9 càng làm tình hình trở nên căng thẳng thêm và nó cũng góp phần làm suy giảm lượng vốn FDI toàn cầu. Sự bất ổn về chính trị làm thay đổi kế hoạch đầu tư ra nước ngoài của các MNC.

Xét tính chất chu kỳ của FDI, chúng ta nhận thấy, mỗi lần sụt giảm rồi sau đó gia tăng trở lại thường kéo dài khoảng 10 năm hay hơn nữa. Sự biến động mang tính chất chu kỳ này là do ảnh hưởng của nhiều nhân tố, một số trong những nhân tố đó là chu kỳ kinh tế, tính nhạy cảm của thị trường chứng khoán, ...

Bảng 1 cũng cho thấy có một mối liên hệ chặt chẽ giữa FDI toàn cầu và mức độ tăng trưởng GDP, cải tiến công nghệ, rút ngắn khoảng cách phát triển kinh tế giữa các quốc gia và những phương thức quản lý mới trong nền sản xuất quốc tế. Tuy nhiên những tác động đó lại đối lập với vòng tuần hoàn lên xuống của thu nhập và tăng trưởng. Về phương diện cung, FDI bị ảnh hưởng bởi các quỹ đầu tư có được từ những công ty có lợi nhuận cao hay vay nợ để đầu tư hay những điều kiện kinh tế trong nước. (Xem Bảng 3)

Về phương diện cầu, sự tăng trưởng của thị trường mang tính chất quyết định, các thị trường trì trệ sẽ ngăn cản đầu tư của các MNC. Số liệu cho thấy sự gia tăng của FDI toàn cầu kéo theo sự tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên mức tăng trưởng này tương đối thấp. Quan hệ giữa FDI và GDP không đồng nhất ở những khu vực và nền kinh tế khác nhau. Ở những nước phát triển, mối liên hệ này khá chặt chẽ (FDI gia tăng kéo theo sự gia tăng tương ứng của GDP) nhưng điều này lại không xảy ra ở những nước đang phát triển. Điều này xuất phát từ hai nguyên nhân cơ bản: thứ nhất, chu kỳ kinh tế của các nước đang phát triển khác với các quốc gia phát triển, thứ hai là một số quốc gia đang phát triển sử dụng các biện pháp cắt giảm nguồn vốn ngắn hạn làm ảnh hưởng đến sự phát triển của FDI. Đứng trước tình hình biến động của dòng vốn FDI thế giới, chính phủ các quốc gia trên thế giới đã có những thay

Bảng 3: Phân bổ FDI thế giới giai đoạn 1886-2001 (%)

Khu vực	1986 -1990	1991 -1992	1993 -1998	1999 -2000	2001
* Các nước đã phát triển	82,4	66,5	61,2	80	68,4
+ Tây Âu	38,4	46	33,7	51,9	45,7
+ Liên minh châu Âu	36,2	45,3	32,1	50,2	43,9
+ Mỹ	0,2	1,2	0,3	0,8	0,8
+ Nhật	34,6	12,7	21,7	22,6	16,9
* Các nước đang phát triển	17,5	31,2	35,3	17,9	27,9
+ Châu Phi	1,8	2,2	1,8	0,8	2,3
+ Châu Mỹ Latinh & Caribê	5	11,7	12,3	7,9	11,6
+ Châu Á-Thái Bình Dương	10,6	17,4	21,2	9,2	13,9
+ Các nước Trung & Đông Âu (CEE)	0,1	2,2	3,5	2	3,7
* Các nước chậm phát triển	0,4	1,1	0,6	0,4	0,5

Bảng 4: Những điều chỉnh đổi mới của các quốc gia giai đoạn 1991 - 2000

	91	92	93	94	95	96	97	98	99	00	01
-Số quốc gia thay đổi chính sách đầu tư	35	43	57	49	64	65	76	60	63	69	71
-Số lượng chính sách điều chỉnh	82	79	102	110	112	114	151	145	140	250	208
+Tạo thuận lợi cho FDI	0	79	101	108	106	98	135	136	131	147	194
+Hạn chế FDI	2	0	1	2	6	16	16	9	9	3	14

đổi trong chính sách quản lý FDI, đặc biệt là trong năm 2001 có khoảng 208 thay đổi trong luật FDI được thực hiện bởi 71 quốc gia. Đây là năm có nhiều thay đổi nhất trong chính sách quản lý FDI với mục đích gia tăng nỗ lực thu hút FDI trên toàn thế giới, trong đó khu vực đổi mới nhiều nhất là Châu Á-Thái Bình Dương (43%) (Xem Bảng 4)

Cùng với sự nỗ lực đổi mới trong chính sách quản lý FDI, chính phủ các quốc gia trên thế giới cũng tích cực ký kết các hiệp ước đầu tư song phương (BIT) và Hiệp định thuế quan (DTT). Trong năm 2001, đã có 97 quốc gia (con số lớn nhất từ trước đến nay) ký kết 158 BIT, trong đó các nước đang phát triển đã ký kết với nhau 66 BIT, các nước ASEAN 70, châu Phi 58, các nước châu Mỹ Latinh 21.

Các hiệp định thuế quan (DTT) tính tới năm 2000 là 2.185 với 63 quốc gia (19 nước phát triển, 30 nước đang phát triển, 14 nước CEE). Ở mức độ đa phương, các quốc gia thành viên WTO đã tham gia vào các chương trình hợp tác phát triển FDI, một trong những nội dung quan trọng của chương trình hợp tác này là hỗ trợ các nước đang phát triển về kỹ thuật

công nghệ và phương tiện để thúc đẩy sự phát triển toàn diện.

Dưới một góc độ khác, sự sụt giảm của FDI năm 2001 cũng chịu ảnh hưởng lớn bởi sự sát nhập của các tập đoàn đa quốc gia. Tình trạng tăng trưởng chậm làm cho hoạt động của các MNC giảm sút và rơi vào thời kỳ "tạm lắng". Sự sụt giảm của giá cổ phiếu trên 6 thị trường chứng khoán lớn (giá trị thị trường của các chứng khoán giảm 1/3 từ 29.000 tỷ USD xuống còn 19.000 tỷ USD) là hệ quả của sự sụt giảm trong xu hướng sát nhập của các MNC, làm ảnh hưởng trực tiếp đến lượng FDI toàn cầu.

Tóm lại, bức tranh toàn cầu của FDI năm 2001 không mấy sáng sủa. Sự sụt giảm đáng kể của FDI được thể hiện qua sự phát triển chậm lại của nền kinh tế thế giới, sự thay đổi theo chiều hướng ngày càng xấu đi của các thị trường chứng khoán lớn trên thế giới. Với tình hình đó làm thế nào để thu hút và gia tăng lượng vốn FDI vào Việt Nam là một vấn đề nan giải đối với các nhà kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn sắp tới ■

Tài liệu tham khảo
World Investment Report 2002-UNCTAD